

HƯỚNG DẪN

Nội dung tuyên truyền giá trị lịch sử văn hóa của khu di tích danh thắng Yên Tử năm học 2019 -2020

*(Kèm theo Kế hoạch số 44/KH-THCSYT ngày 24/9/2019 của trường THCS Yên Thanh
về "Kế hoạch công tác chủ nhiệm năm học 2019-2020"*

I. Căn cứ thực hiện

Kế hoạch Số: 1123/KH-PGD&ĐT ngày 20 tháng 10 năm 2015 của phòng GD&ĐT
Uông Bí về Kế hoạch tuyên truyền giá trị lịch sử văn hóa của khu di tích danh thắng Yên
Tử cho học sinh, thanh thiếu nhi trên địa bàn thành phố Uông Bí từ năm học 2015-2016;

Công văn Số: 1267/PGD&ĐT-GDPT ngày 18/11/2015 của phòng GD&ĐT Uông
Bí V/v kết luận Hội nghị tập huấn tuyên truyền giá trị lịch sử văn hóa khu di tích danh
thắng Yên Tử năm học 2015 – 2016 (khối THCS).

II. Hướng dẫn thực hiện

1. Nội dung tuyên truyền

Thực hiện theo tài liệu tuyên truyền đã được phê duyệt của Ban tuyên giáo Thành
ủy ngày 16/10/2015 và tham khảo trên website: <http://banquanlyyentu.vn>.

Tập trung làm rõ một số nội dung chính sau:

- Cuộc đời, sự nghiệp Phật Hoàng Trần Nhân Tông: Những mốc thời gian gắn liền
tên tuổi của ông; Là một vị hoàng đế anh minh; Là một anh hùng dân tộc; Là một danh
nhân văn hóa tiêu biểu; Là một bậc Tổ sư sáng lập ra Thiền Phái Trúc Lâm.

- Lịch sử hình thành phát triển và tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

- Những giá trị của khu Di tích và danh thắng Yên Tử. Lịch sử các ngôi chùa trong
khu Di tích Yên Tử.

2. Cách thức thực hiện

**2.1. Lồng ghép nội dung trên vào các tiết sinh hoạt cuối tuần, bố trí mỗi tháng
1 tiết, bắt đầu từ tháng 12, cụ thể như sau:**

- Tiết 1: Cuộc đời và sự nghiệp của Đức vua Phật hoàng Trần Nhân Tông

- Tiết 2: Lịch sử hình thành phát triển và tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

- Tiết 3,4 : Giá trị của khu di tích danh thắng Yên Tử

*** Chú ý:**

- Trước khi thực hiện, các GVCN tổ chức sinh hoạt trao đổi, thống nhất nội dung
dạy cụ thể. Khi đã thống nhất được nội dung cần giáo dục, tùy từng giáo viên chủ nhiệm
sẽ lựa chọn các hình thức tổ chức khác nhau như: kể chuyện, chơi trò chơi, tập làm

hướng dẫn viên du lịch, rung chuông vàng,.....để lồng ghép trong tiết sinh hoạt tuần 3/tháng (Sinh hoạt chủ điểm).

- Nội dung lồng ghép đưa vào tiết sinh hoạt cuối tuần không cần soạn thành một bài riêng biệt mà gộp trong giáo án sinh hoạt của GVCN.

2.2. Tuyên truyền tích hợp trong các bài giảng chính khóa

- Giáo viên dạy học tích hợp lồng ghép nội dung tuyên truyền về khu Di tích và danh thắng Yên Tử vào các bài giảng chính khóa một cách tự nhiên, không máy móc, giáo điều theo kiểu hô khẩu hiệu; lồng ghép cần rõ nét; khuyến khích giáo viên đổi mới phương pháp giảng dạy để lồng ghép sao cho hiệu quả qua đó giáo dục ý thức trách nhiệm của học sinh trên địa bàn thành phố Uông Bí.

- Tổ chuyên môn (Xã hội, Tổng hợp) có kế hoạch rà soát, lựa chọn những tiết dạy trong các môn học thích hợp có thể lồng ghép (GDCD, Lịch sử, Địa lý, Âm nhạc, Mỹ thuật, Ngoại ngữ ...vv) và ghi rõ trong PPCT bộ môn; sinh hoạt tổ, cùng trao đổi, thống nhất việc thực hiện dạy lồng ghép sao cho hiệu quả.

- Khuyến khích đưa câu hỏi yêu cầu kiến thức về danh nhân Trần Nhân Tông và di tích danh thắng Yên Tử trong đề kiểm tra một cách hợp lý.

2.3. Các hoạt động khác

- Lồng ghép tổ chức trong các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động kỉ niệm

- Tổng phụ trách Đội xây dựng kế hoạch tổ chức thành hoạt động chủ điểm tìm hiểu về khu di tích danh thắng Yên Tử vào các tháng 1,2,3 hằng năm, trước và sau Tết Nguyên Đán – song hành với Lễ hội Yên Tử (Yêu cầu tổ chức ít nhất 1 buổi sinh hoạt chuyên đề tìm hiểu về khu di tích danh thắng Yên Tử/năm).

- Xây dựng kế hoạch định kì hằng năm tổ chức cho các em học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm tìm hiểu ý nghĩa, giá trị của khu di tích danh thắng Yên Tử làm phong phú sinh động bài học trên lớp và giáo dục truyền thống của địa phương, nâng cao ý thức gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử của dân tộc.

Nơi nhân:

- Các cá nhân, bộ phận của NT (t/h);
- GVCN lớp (t/h)
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Bích Huệ

Tài liệu tuyên truyền về khu di tích danh thắng Yên Tử

LỜI GIỚI THIỆU

Uông Bí là mảnh đất giàu truyền thống văn hóa, cách mạng, nơi lưu giữ nhiều di tích lịch sử văn hóa. Trên địa bàn Thành phố hiện có 28 di tích lịch sử văn hóa và danh thắng, trong đó có 03 di tích được công nhận là di tích cấp tỉnh; 01 di tích được công nhận là di tích quốc gia; 01 di tích được công nhận là di tích quốc gia đặc biệt; Thành phố đang phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng hồ sơ đề nghị tổ chức UNESCO công nhận Quần thể Di tích danh thắng Yên Tử là Di sản thế giới.

Tự hào với truyền thống lịch sử, văn hóa của quê hương Uông Bí, chúng ta mỗi người con của Uông Bí cần khơi dậy lòng tự hào, nâng cao ý thức trách nhiệm, giữ gìn và phát huy các giá trị của khu Di tích danh thắng Yên Tử.

Tuyên truyền, phổ biến đưa nội dung giáo dục giá trị lịch sử, văn hóa của khu Di tích danh thắng Yên Tử vào giảng dạy cho học sinh, thanh thiếu nhi trong các cấp học phổ thông trên địa bàn Thành phố là việc làm có ý nghĩa thiết thực hết sức quan trọng, cung cấp cho các em học sinh những hiểu biết về lịch sử, văn hóa của địa phương, từ đó bồi đắp sự hiểu biết, hun đúc tình yêu quê hương của mỗi con người.

Để việc giáo dục có hiệu quả, song song với việc xây dựng chương trình giảng dạy, Ban quản lý Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo Thành phố và một số đơn vị liên quan tổ chức giới thiệu tài liệu tuyên truyền gồm các nội dung: Cuộc đời và sự nghiệp của đức vua Phật hoàng Trần Nhân Tông; lịch sử hình thành, phát triển và tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử; những giá trị của khu Di tích danh thắng Yên Tử.

Với các nội dung cơ bản được trình bày, hi vọng cuốn sách sẽ đem đến cho bạn đọc những hiểu biết cơ bản về lịch sử và giá trị văn hóa của khu Di tích Yên Tử, nơi Đức Vua Phật hoàng Trần Nhân Tông sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - Đạo Phật của Việt Nam.

CHƯƠNG I

CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA ĐỨC VUA PHẬT HOÀNG TRẦN NHÂN TÔNG

Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông, tên húy là Trần Khâm, sinh ngày 07/12/1258 (tức ngày 11/11/ Mậu Ngọ), con trưởng của vua Trần Thánh Tông và Hoàng hậu Nguyên Thánh. Khi ra đời, nhận thấy ông có nhiều điềm phi thường nên được vua cha đặt biệt hiệu là Phật kim. Ông là vị vua thứ 3 của nhà Trần; năm 16 tuổi, được lập làm Hoàng Thái Tử; năm 21 tuổi (1278) lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Thiệu Bảo Nguyên Niên. Ông làm vua 14 năm (1278 - 1293) có đóng góp trên mọi lĩnh vực về kinh tế, chính trị, quân sự, ngoại giao, văn hóa...đánh dấu một thời kỳ vàng son trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Năm 1293 ông nhường ngôi cho con, lui về phủ Thiên Trường (Nam Định) làm Thái Thượng Hoàng, chuyên tâm giảng cứu kinh Phật, thực tập xuất gia ở hành cung Vũ Lâm (Ninh Bình) trong vòng sáu năm để chuẩn bị cho bước xuất gia của Ngài về Yên Tử tu hành, để tìm ra đường lối xây dựng một nền đạo đức xã hội hướng thiện, thu phục nhân tâm, đoàn kết dân tộc, giữ cho "non sông nghìn thuở vững âu vàng".

Năm 1299, vua Trần Anh Tông trưởng thành, Thượng hoàng Trần Nhân Tông chính thức xuất gia tu hành khổ hạnh tại đỉnh Tử Tiêu núi Yên Tử, lấy hiệu là Hương Vân Đại Đầu Đà và tự xưng là Trúc Lâm Đại Sĩ.

Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử do ông sáng lập mang đậm chất văn hóa Đại Việt, được xem là Phật giáo chính thức của đất nước thời đó. Tư tưởng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử được đánh giá là sự kết tinh những giá trị cao cả nhất của nhân loại: trí tuệ, từ bi, lòng nhân ái; khơi dậy sức sống tinh thần gắn bó mật thiết giữa Đạo pháp với dân tộc, xây dựng nền đạo đức xã hội hướng thiện và nhân văn cao cả. Ảnh hưởng của dòng thiền này vô cùng sâu rộng cho đến nay. Phật giáo Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng trực tiếp của tư tưởng đó.

Sau khi xuất gia về Yên Tử tu hành, ông đã đi khắp các chôn thôn dã để giáo hóa, khuyên dân bỏ những hủ tục mê tín, dâm tử và thực hành thập thiện. Những năm cuối đời, Trúc Lâm Đại Sĩ dồn hết tâm sức cho việc hoá đạo, chuẩn bị nhân sự kế thừa để lo việc Giáo hội. Chính trong thời gian này, Ngài đã chọn và truyền trao Y-Bát cho Thiền sư Pháp Loa trở thành Đệ Nhị Tổ và chọn Thiền sư Huyền Quang làm thị giả, sau Huyền Quang đã trở thành Đệ Tam Tổ Thiền Trúc Lâm nối lửa, tiếp hương một mạch chảy dài vang vọng mãi đến hôm nay.

Ngày 01/11/ năm Mậu Thân (1308), Đức Vua Phật Hoàng Trần Nhân Tông nhập Niết bàn tại Am Ngọa Vân trên dãy núi Yên Tử, hưởng thọ 51 tuổi. Xá lợi của Ngài được lưu giữ ở Huệ Quang Kim Tháp trong Lăng Quy Đức trước cửa chùa Hoa Yên. Thánh hiệu của Ngài "Đại thánh Trần triều Trúc Lâm đầu đà tinh tuệ giác hoàng điều ngự Tổ Phật".

Trong lịch sử dân tộc, vua Trần Nhân Tông là một trong những anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa tiêu biểu. Vốn là người thông minh trời phú cộng với tính ham học, lại thừa hưởng một nền giáo dục hết sức rộng rãi với tinh thần cởi mở; kết hợp kiến thức khoa học với văn chương, quân sự với âm nhạc, vì thế ngay từ khi còn trẻ ông đã học thông tam giáo và hiểu sâu sắc về Phật giáo.

Nhờ có đủ tầm vóc về bản lĩnh và trí tuệ nên mặc dù vừa lên ngôi, vua Trần Nhân Tông đã ý thức rất sâu sắc về "thế trận lòng dân" hạt nhân để làm nên chiến thắng. Trần Nhân Tông đã tổ chức hội nghị Bình Than (1282), gồm tướng sĩ để bàn kế giữ nước. Đặc biệt, đầu năm 1285, Trần Nhân Tông đã tổ chức hội nghị Diên Hồng, gồm các bô lão đại diện cho thần dân khắp cả nước, để rời từ điện Diên Hồng vang lên tinh thần quyết chiến. Rõ ràng là mỗi khi sức mạnh nhân dân vào trận thì

không một thế lực nào có thể vượt thắng được. Với cách hiểu như vậy, chúng ta mới thấy được tầm cao của Trần Nhân Tông trong việc huy động sức dân vào hai cuộc chiến tranh chống giặc Nguyên Mông, cuộc xâm lược lần thứ hai (1285) và cuộc xâm lược lần thứ ba (1288) kết thúc bằng chiến thắng trên sông Bạch Đằng, một trong những chiến thắng vĩ đại nhất trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc.

Mặc dù quân dân Đại Việt đã giành thắng lợi vẻ vang, bảo vệ vững chắc độc lập của dân tộc nhưng sau chiến tranh nhiều làng xóm, gia đình bị li tán, mùa màng bị tàn phá. Trước tình hình đó, chỉ mấy ngày sau chiến thắng, khi về Thăng Long, vua Trần Nhân Tông lập tức ban Chiếu, tuyên bố đại xá thiên hạ và tha tô thuế, tạp dịch cho những vùng trải qua chiến tranh, các vùng khác tùy vào mức độ bị tàn phá mà giảm. Tiếp sau đó, vua ban hàng loạt chính sách nhằm "khoan thư sức dân", thúc đẩy sản xuất, tiến hành khen thưởng những người có công lao trong hai cuộc chiến, đồng thời tùy vào nặng nhẹ mà xử lý những người mắc tội. Bên cạnh đó, nhà vua đã để lại trong lòng quân dân nước Việt một sự cảm kích về tấm lòng độ lượng bao dung, sẵn sàng tha thứ chứ không thù hận, nghi kỵ đối với các thế lực thù trong giặc ngoài, qua việc cho đốt hết hồ sơ những người cấu kết với giặc, phản bội dân tộc trong lúc đất nước lâm nguy để những người lầm lỡ này được yên tâm sống, làm việc và có cơ hội chuộc lại lỗi lầm bằng lao động, sản xuất và cống hiến.

Song song với việc giải quyết chính sách hậu chiến, nhà vua tiến hành hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước theo hướng phi quân sự bằng việc "chọn các quan văn chia đi cai trị các lộ" để thực hiện việc cai trị đất nước theo pháp luật, từ đó tạo điều kiện cho người dân mở mang sản xuất, phát triển kinh tế.

Nhờ tài năng và công đức cùng với việc ban hành hàng loạt chính sách có tính sách lược và chiến lược, Trần Nhân Tông đã đưa Đại Việt nhanh chóng ổn định về đời sống, kinh tế, văn hóa, nhân dân được hưởng cuộc sống thái bình, thịnh trị.

Con người Trần Nhân Tông là sự kết hợp hài hòa của một người anh hùng cứu nước, một triết gia, một thi nhân. Ngòi bút của ông có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự, chất chứa tinh thần lạc quan, yêu đời, tấm lòng vị tha của một nhân cách lớn cùng sự dung động tinh tế, lòng yêu tự do của một nghệ sĩ.

Tên tuổi và sự nghiệp của Đức Vua, Đức Phật Hoàng Trần Nhân Tông là những nét son chói lọi trong trang sử vàng của dân tộc Việt Nam, là bậc Tổ sư tôn kính đối với tất cả tăng, ni, phật tử và con cháu muôn đời của đất Việt. Tư tưởng, tinh thần của Ngài: "Ở đời vui với đạo, sống tùy duyên" và sự dung hợp "Tam giáo đồng nguyên", là tư tưởng sống hòa bình, giàu lòng nhân ái, đậm đà văn hoá cội nguồn dân tộc cần được phát huy tích cực trong đời sống tinh thần, tâm linh của người dân đất Việt. Chúng ta phải biết trân trọng, tôn quý, giữ gìn gia tài vô giá mà bậc Đại sỹ Trúc Lâm, Phật Hoàng để lại. Ông là một trong những vị anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa tiêu biểu trong lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc VN.

CHƯƠNG II

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN VÀ TƯ TƯỞNG CỦA THIỀN PHÁI TRÚC LÂM YÊN TỬ

1. Nguồn gốc, tư tưởng của Thiền Trúc Lâm Yên Tử

Thiền Phái Trúc Lâm hình thành và phát triển trên cơ sở ba dòng thiền trước đó, gồm hai dòng thiền du nhập từ Trung Hoa là Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi, năm 520 (thế kỷ VI); Vô Ngôn Thông, năm 820 (thế kỷ IX) và dòng thiền do vua Lý Thánh Tông lập ra là dòng Thiền Thảo Đường.

Dòng thiền Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi và Vô Ngôn Thông lấy tông chỉ thiền "*Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật*" (Nghĩa là: Không truyền giáo pháp ngoài kinh điển, không lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, thấy tính thành Phật) làm chủ đạo.

Dòng thiền Thảo Đường do vua Lý Thánh Tông lập ra sau khi đã quy phục được thiền sư Thảo Đường của Chiêm Thành về Đại Việt và cho xây cất nhiều chùa để tu thiền hành đạo. Giáo lý của dòng thiền Thảo Đường, thoả mãn sự đòi hỏi của vua Lý Thánh Tông muốn phát triển ý thức dân tộc, độc lập, tự cường, gắn liền đạo pháp với vận mệnh của dân tộc, lấy sự đồng tâm nhất trí làm mục đích để tập trung vào hành động thiết thực, cứu thế bằng đức tin tâm linh, đạo gắn với cuộc sống hiện thực cao cả. Triết lý sinh thành dưỡng dục theo nghĩa dài lâu, nối tiếp, là phương tiện giáo hoá giác ngộ từ vua, quan đến người dân hiểu mình là ai, lấy ý chí tự cường để thắng số mệnh, phụng sự cho sự phồn vinh vững bền của quốc gia. Tư tưởng xuất thế để nhập thế của dòng thiền Thảo Đường thời Lý thế kỷ XI làm nền tảng tư tưởng cho tinh thần nhập thế mạnh mẽ, tích cực của Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử. Đây là Thiền phái đầu tiên do người Việt sáng lập. Thiền phái Trúc Lâm đề cao sự tự ngộ, sự nỗ lực rèn luyện của hết thảy mọi người. Dù là một ông vua, ông quan hay một người dân, dù xuất gia hay tại gia, sống trong chùa hay ở ngoài đời, miễn là biết tu tập, cải tạo tâm từ ác chuyển thành thiện, từ khuấy động chuyển thành định tĩnh, biết phá trừ vô minh, từ bỏ tham dục thì đều đi đến con đường giác ngộ.

Điều quan trọng hơn cả là Thiền phái Trúc Lâm đã thể hiện tinh thần nhập thế hết sức mạnh mẽ và tích cực. Bản thân vua Trần Nhân Tông, khi xuất gia vẫn quan tâm đến vận mệnh đất nước, sự tồn vong của dân tộc. Ngài mong muốn xây dựng một nền đạo đức xã hội bình đẳng, hướng thiện, nên đã đi khắp chốn thôn dã, thị thành để giáo hoá khuyên dân bỏ những hủ tục mê tín, phá bỏ dâm từ, thực hành giáo lý thập thiện "*Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không nói điều ác, không nói lật lọng, không nói lời thêu dệt, không tham lam, không sân hận, không si mê*" tạo nên sự hoàn thiện song hành đạo với đời, đạo pháp gắn mật thiết với dân tộc, làm cho tốt đời đẹp đạo, quốc thái dân an. Điều đó, thể hiện sự trọn vẹn tinh thần Phật giáo Việt Nam; phù hợp ý chỉ Chư Phật và lòng người. Qua đó, đã tạo nên sự

đoàn kết, nhất trí toàn dân, hội tụ thành sức mạnh thần kỳ của dân tộc Đại Việt thời đại nhà Trần nói riêng và dân tộc Việt Nam nói chung trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước.

2. Người sáng lập Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử - Đệ nhất Tổ Trần Nhân Tông

Vua Trần Nhân Tông, sinh ngày 07/12/1258 (tức ngày 11/11/ Mậu Ngọ), mất 01/11/1308. Là vị vua anh minh, có đức, có tài, là một nhân cách lớn trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Trong 14 năm Ngự ngai vàng, Vua Trần Nhân Tông đã lãnh đạo nhân dân xây dựng Quốc gia Đại Việt hùng mạnh, hai lần kháng chiến, chống giặc Nguyên Mông thắng lợi vào năm 1285 và 1288, đem lại thái bình cho muôn dân và nền độc lập vững bền của Quốc gia Đại Việt.

Tháng 10 năm Kỷ Hợi (1299) niên hiệu Hưng Long thứ 7, Trần Nhân Tông về Yên Tử tu hành, lấy đạo hiệu Hương Vân Đại Đầu Đà, sau đổi là Trúc Lâm Đại Sĩ, sáng lập ra Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử.

Ngài trở thành Sơ Tổ của Thiên phái Trúc Lâm và đã xây dựng Yên Tử trở thành Kinh đô Phật giáo của quốc gia Đại Việt. Ngài là Đức Phật của Việt Nam.

Yên Tử là trung tâm của phái Trúc Lâm và là nguồn cội cho sự thống nhất giáo hội Phật giáo Đại Việt thời Trần, do vậy mà Thiên phái Trúc Lâm còn gọi là Phái Trúc Lâm Yên Tử.

3. Đệ nhị Tổ Pháp Loa và đệ tam Tổ Huyền Quang tiếp nối phát triển dòng Thiên Trúc Lâm Yên Tử

3.1. Đệ Nhị Tổ Pháp Loa

Đệ Nhị Tổ Pháp Loa thế danh là Đồng Kiên Cương, sinh ngày 07 tháng 5 năm Giáp Thân (1284) ở Làng Cừ La, phủ Nam Sách, tỉnh Hải Dương ngày nay. Đồng Kiên Cương thiên tư, đỉnh ngộ, miệng không nói điều ác, không ăn được thịt cá, từ nhỏ rất thông minh và ham thích học đạo Phật.

Năm Giáp Thìn, niên hiệu Hưng Long thứ XII (1304), Vua Trần Nhân Tông đi các nơi để giáo hóa thập thiện, ban pháp được, khi đi qua Nam Sách, tình cờ gặp Đồng Kiên Cương quỳ lạy xin xuất gia. Vua Trần chấp thuận và nói rằng: “Kẻ này có đạo nhân, sau ắt làm pháp khí, vui vẻ tự đến đây”. Ngài bèn ban hiệu cho Đồng Kiên Cương là Thiện Lai, rồi dẫn về Liêu Kỳ Lân ở Linh Sơn, thọ giới sa di và chỉ cho đến tham vấn với Hoà thượng Tĩnh Giác ở Quỳnh Quán.

Pháp Loa là người thông minh xuất chúng, tinh thông kinh kệ, thông hiểu sâu sắc tam giáo (Phật - Lão - Nho). Năm Đinh Mùi, niên hiệu Hưng Long thứ XV (1307) Pháp Loa cùng 5 vị Pháp hữu đến Am Ngọa Vân cầu thỉnh Điều Ngự Giác Hoàng giảng dạy bộ kinh Đại Huệ Ngũ Lục. Tháng 5 năm đó, trên Am Ngọa Vân, khi làm lễ bố tá xong, Điều Ngự Giác Hoàng trao Tâm kệ và Y-bát cho Pháp Loa và khuyên dạy khéo giữ gìn. Ngày mồng một tháng Giêng năm Mậu Thân, niên hiệu Hưng Long thứ

XVI (1308) tại chùa Báo Ân ở Siêu loại, Pháp Loa chính thức được Đệ Nhất Tổ Trần Nhân Tông tin cậy cử giữ chức trụ trì chùa Báo Ân và được suy tôn trở thành Đệ Nhị Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Ngày mùng 01 tháng 11 năm 1308, Phật Hoàng Trần Nhân Tông viên tịch. Pháp Loa phụng mệnh cung nghinh xá lợi Phật Hoàng về Kinh đô. Khi trở về Yên Tử, Pháp Loa soạn lại những bài tụng của Điều Ngự lúc ở Thạch Thất làm thành quyển Thạch Thất Mỹ Ngữ.

Pháp Loa đã có công lớn trong việc phát triển ảnh hưởng của Thiền phái Trúc Lâm trên toàn cõi Đại Việt. Pháp Loa là thiền sư vừa uyên thâm giáo lý đạo Thiền, vừa có tài tổ chức các hoạt động của Phật giáo trong nước thời ấy. Pháp Loa đã có công xây dựng nhiều danh lam như: Viện Quỳnh Lâm, chùa Côn Sơn, chùa Thanh Mai và tạo lập, tu sửa nhiều ngôi chùa, lập hơn 200 sở Tăng đường, độ Tăng, Ni 15.000 người, đệ tử đặc pháp hơn 3.000 người.. Hoạt động Phật giáo của Đệ Nhị Tổ Pháp Loa lôi cuốn được sự hưởng ứng của đông đảo chúng tăng và của rất đông vương hầu, công chúa, vua, quan triều đình. Vua Trần Anh Tông đã ban cho Pháp Loa tên hiệu là Phổ Tuệ Minh Giác Tịnh Trí Đại Tôn Giả. Năm 1318, Đệ Nhị Tổ Pháp Loa được vua Trần Anh Tông phong là Quốc sư.

Ngày 3 tháng 3 năm Canh Ngọ (năm 1330), Pháp Loa viên tịch, thọ 47 tuổi. Ngài được an táng trong Bảo Tháp Viên Thông tại chùa Thanh Mai, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương ngày nay.

3.2. Đệ Tam Tổ Huyền Quang

Đệ Tam Tổ Huyền Quang, thế danh là Lý Đạo Tái, quê ở làng Vạn Tải, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh ngày nay. Ngài sinh năm Giáp Dần (1254), thuộc dòng dõi quan lại Triều Lý.

Năm 20 tuổi Lý Đạo Tái thi hương đỗ đạt, 21 tuổi đỗ đầu kỳ thi Hội, được vua Trần ngự ban là Trạng Nguyên và được bổ nhiệm làm quan ở Hàn Lâm viện của triều đình, phụng mệnh tiếp đón sứ Trung Hoa. Văn chương ngôn ngữ của Đạo Tái vượt hơn sứ Trung Hoa, khiến họ phải nể phục.

Năm 1305, nhân chuyến theo vua Trần Anh Tông đến chùa Vĩnh Nghiêm nghe thiền sư Pháp Loa thuyết pháp, Ngài đã ngộ đạo. Khi về triều, Ngài đã nhiều lần dâng biểu xin nhà vua cho từ quan để xuất gia tu hành học Phật và đã được vua Trần Anh Tông là người mộ Đạo Phật, quý trọng Thiền Tăng nên được chấp thuận. Năm đó ngài 51 tuổi, xuất gia ở chùa Vĩnh Nghiêm theo Bảo Phác thọ giới, pháp hiệu là Huyền Quang.

Năm 1306, Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông đang trụ trì chùa Báo Ân ở Siêu Loại cử Pháp Loa làm chủ giảng. Khi thấy Huyền Quang đi cùng Bảo Phác đến chùa, Ngài bèn bảo Huyền Quang theo làm Thị giả. Điều Ngự lập Huyền Quang làm giảng sư và giao cho biên soạn chư phẩm kinh, khảo văn. Mỗi khi biên soạn xong, Huyền Quang dâng trình Điều Ngự Giác Hoàng duyệt, được Điều Ngự khen: “*không thể thêm một chữ, không thể bớt một chữ*” rồi sai đem in để truyền lại cho đời sau.

Năm 1317, Đệ Nhị Tổ Pháp Loa truyền Y của Điều Ngự và Tâm Kê cho Thiền sư Huyền Quang trụ trì chùa Vân Yên (chùa Hoa Yên). Do Huyền Quang đa văn bác học, tinh thâm đạo lý, nên các môn đồ bốn phương nghe danh tụ hội về tham vấn thường xuyên không dưới ngàn người. Huyền Quang được vua Trần phong là Quốc sư và thường phụng chiếu đi giảng kinh các nơi và tuyển soạn chư phẩm kinh, thư tịch như: Ngọc Tiên Tập; Chư Phẩm kinh; Công Văn Tập; Phổ Tuệ Ngữ Lục; Vịnh Vân Yên Tự Phú...Những khoa giáo trong nhà Thiền đều qua Huyền Quang thẩm duyệt.

Năm 1330, Đệ Nhị Tổ Pháp Loa long trọng tổ chức lễ truyền đăng trao Y-bát cho Thiền sư Huyền Quang, có sự tham dự của Thượng Hoàng Trần Minh Tông và các triều thần, tăng sỹ. Thiền sư Huyền Quang trở thành Đệ Tam Tổ của Thiền phái Trúc Lâm. Ngài lập học trò xuất sắc là Thiền sư An Tâm làm trưởng sơn môn Yên Tử, còn Ngài về trụ trì chùa Thanh Mai được 06 năm, sau đó về trụ trì chùa Côn Sơn và lập ra Cửu phẩm liên hoa, giảng các phẩm kinh để truyền cho bậc hậu học.

Ngày 23 tháng Giêng năm Giáp Tuất (1334), Đệ Tam Tổ Huyền Quang viên tịch, thọ 81 tuổi và được an táng trong Bảo Tháp Chiêu Minh tại chùa Côn Sơn ở Chí Linh, tỉnh Hải Dương ngày nay.

Với những nét đặc trưng cơ bản của Thiền phái Trúc Lâm, không phải ngẫu nhiên, Phật giáo Trúc lâm lại phát triển cực thịnh ở thời Trần. Và cũng không phải ngẫu nhiên vua tôi nhà Trần cả ba lần lãnh đạo toàn dân kháng chiến chống Nguyên - Mông thắng lợi, xây dựng "*non sông nghìn thuở vững âu vàng*".

CHƯƠNG III

NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA KHU DI TÍCH DANH THẮNG YÊN TỬ

Thành phố Uông Bí nằm ở phía tây nam tỉnh Quảng Ninh, cửa ngõ vùng biển Đông Bắc của Tổ quốc, trên trục quốc lộ 18A, cách Hà Nội 120km, Hải phòng 29km và cách thành phố Hạ Long 40km về phía Tây. Địa giới hành chính Uông Bí ở phía đông giáp huyện Hoành Bồ; phía đông nam giáp thị xã Quảng Yên; phía tây giáp thị xã Đông Triều; phía bắc giáp huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; có vị thế quan trọng về nhiều mặt: địa chính trị, địa kinh tế, địa văn hóa và địa sinh thái; là vùng đất cổ của tỉnh Quảng Ninh, có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời.

Thành phố Uông Bí tựa lưng vào dãy núi Yên Tử hùng vĩ, hướng về cửa sông Bạch Đằng dậy sóng. Dãy núi Yên Tử với đỉnh cao nhất 1.068m, từ lâu đã nổi tiếng về lịch sử tôn giáo và cảnh quan thiên nhiên. Đặc biệt khu Di tích Yên Tử với truyền thuyết về An Kỳ Sinh đã đến tu luyện đan trên núi Yên Tử, có thể hình dung nơi đây cũng đồng thời là nơi tiếp nhận sớm nhất Đạo giáo. Đồng thời với sự du nhập của Đạo giáo là sự xuất hiện cũng từ rất sớm của Phật giáo ở vùng non thiêng Yên Tử. Thời Lý, trên núi Yên Tử đã có chùa, am thờ Phật. Đầu thế kỷ XIII, Thiền sư Hiện Quang, sau đó là Quốc sư Đạo Viên, Đại Đăng, Thiền sư Tiêu Diêu, Huệ Tuệ đã đến Yên Tử tu

hành. Đến năm 1299, vua Trần Nhân Tông sau khi nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông đã lên Yên Tử tu hành, lấy pháp danh là Điều Ngự Giác Hoàng. Nhà vua đã chuyên tâm nghiên cứu đạo Phật và đã sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm, cho xây dựng hàng loạt chùa tháp trên núi Yên Tử. Nổi pháp Trần Nhân Tông là thiền sư Pháp Loa và thiền sư Huyền Quang. Ba vị được tôn là Trúc Lâm Tam Tổ. Thiền phái Trúc Lâm với chủ trương "Phật tại tâm" đã làm cho đạo gắn với đời. Từ đó Yên Tử trở thành một trong những trung tâm Phật giáo quan trọng bậc nhất của cả nước.

Vùng núi Yên Tử có địa thế hiểm yếu nên trong nhiều thời kỳ lịch sử đã trở thành căn cứ chống giặc ngoại xâm. Thời Hai Bà Trưng, chị em Nguyệt Thai - Nguyệt Độ chống Mã Viện đã hy sinh tại đây. Thời phong kiến thống trị, Yên Tử là căn cứ của cuộc khởi nghĩa Trần Cao thế kỷ XVI. Thời kỳ Pháp mới xâm lược, đây là căn cứ chống Pháp của Đốc Tít (1855 - 1889) và của Lưu Kỳ (1891). Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, vùng Yên Tử - Bảo Đài trở thành căn cứ du kích quân và dân ta đã đánh thắng nhiều trận ở Lán Tháp, Dốc Đò. Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, Yên Tử là nơi luyện quân chi viện cho chiến trường miền Nam. Ngày nay, với địa hình núi non hiểm trở, tầm quan sát rộng, vùng Yên Tử - Bảo Đài có vị thế địa quân sự quan trọng trong chiến lược phòng thủ, bảo vệ lãnh thổ và vùng biển Đông Bắc của Tổ quốc.

Những năm gần đây, Yên Tử trở thành nơi du lịch văn hóa tâm linh, du lịch sinh thái, tham quan thắng cảnh, thu hút du khách trong và ngoài nước đến tham quan, văn cảnh khu di tích lịch sử - thắng cảnh nổi tiếng ở vùng Đông Bắc của Tổ quốc.

1. Yên Tử - trung tâm Phật giáo của quốc gia Đại Việt

Yên Tử là ngọn núi cao nhất của vùng Đông Bắc Việt Nam. Xưa núi có các tên: Tượng Sơn, Bạch Vân, Phù Vân, Linh Sơn, An Tử. Yên Tử là phúc địa, danh sơn, địa linh, được ghi vào điển thờ.

Trước thời Lý, Yên Tử là một vùng đồi núi hoang sơ gắn liền truyền thuyết về đạo sỹ Yên Kỳ Sinh tu tiên, đắc pháp, hoá đá trên đỉnh núi.

Thời vua Lý Huệ Tông (1211-1224), có Thiền sư Hiện Quang tu tại đây - được coi là khởi Tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử.

Năm 1236, vua Trần Thái Tông - ông nội của vua Trần Nhân Tông lên Yên Tử gặp Quốc sư Trúc Lâm để "câu làm Phật", đã được nhà sư chỉ bảo: "*Núi vốn không có Phật. Phật chỉ ở trong Tâm. Tâm lặng lẽ và sáng suốt, đó chính là Phật đấy. Nay bệ hạ giác ngộ được "Tâm" ấy thì lập tức thành Phật. Cần gì phải đi cầu ở đâu*". Lời nói của Quốc Sư đã làm Vua Trần Thái Tông quyết định quay trở lại triều đình làm vua.

Năm 1299, vua Trần Nhân Tông chính thức xuất gia, về Yên Tử tu hành, lấy pháp danh là Điều Ngự Giác Hoàng, đạo hiệu là Trúc Lâm Đại Sỹ. Ngài sáng lập ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - là Phật giáo nhập thế, mang đậm bản sắc dân tộc, ý chí độc lập, tự chủ, tự cường của Việt Nam; đề cao và xây dựng nhân cách con người, đạo đức xã

hội; đóng góp cho đời những giá trị cao quý. Ngài xây dựng Yên Tử trở thành một trung tâm Phật giáo của quốc gia Đại Việt và Ngài trở thành Đức Phật của Việt Nam.

Năm 1308 Điều Ngự Giác Hoàng viên tịch, sang thời Pháp Loa - Đệ nhị Tổ Trúc Lâm làm Giáo chủ Đại Việt thì hệ thống chùa tháp chính như Tháp Tổ và Lăng Quy Đức, chùa Vân Yên (sau sang thời Lê đổi thành chùa Hoa Yên), chùa Long Động, chùa Giải Oan, chùa Vân Tiêu, chùa Bảo Sái... được tôn tạo và xây mới khang trang.

Vào cuối thời Trần, triều chính suy vi, Nho giáo chiếm dần địa vị độc tôn lấn át vị trí của đạo Phật. Xã hội loạn ly, giặc Minh xâm lược nước ta (1414-1427), thực hiện chính sách đồng hoá dân tộc, hủy diệt văn hoá Đại Việt. Chùa tháp ở Yên Tử bị phá hủy, hầu hết kinh sách của Thiền phái Trúc Lâm bị đốt.

Thời Lê (1428-1788), Nho giáo vẫn tiếp tục chiếm địa vị độc tôn, song đạo Phật vẫn như mạch nước ngầm tồn tại và phát triển trong lòng dân tộc.

Thế kỷ 17 - 18 (thời Lê - Trịnh), Thiền phái Trúc Lâm được chấn hưng, các chùa, am tháp Yên Tử còn lại đến ngày nay đều được xây dựng, phục hồi vào thời Lê.

Thời Nguyễn (1802-1945), Thiền phái Trúc Lâm suy vi, một số chùa thời Lê ở Yên Tử đổ nát vì thiên tai, địch họa.

Đầu thế kỷ 20, một số ngôi chùa được trùng tu, xây dựng. Chùa Đồng được tôn tạo lại bằng xi măng cốt đồng (1930).

Năm 1974, khu Di tích Yên Tử được xếp hạng là Di tích quốc gia;

Năm 2012, Yên Tử được công nhận là Di tích Quốc gia đặc biệt và nằm trong 2.783 ha Rừng quốc gia Yên Tử với chiều dài gần 20km, gồm 10 ngôi chùa thuộc 2 khu hành chính: phường Phương Đông gồm các chùa: chùa Trình (Bí Thượng); Suối Tắm; Cầm Thực và xã Thượng Yên Công gồm các chùa: Chùa Lân - Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử; Giải Oan; Hoa Yên; Một Mái; Bảo Sái; Vân Tiêu; Chùa Đồng ở độ cao 1.068m so với mực nước biển.

Với hàng trăm Am, Tháp mộ của các vị thiền sư được lưu giữ tại các khu vực Chùa Lân, Hòn Ngọc, Huệ Quang, Vọng Tiên Cung, hàng ngàn di vật cổ quý có giá trị lịch sử gắn liền với Thiền phái Trúc Lâm.

Chùa, tháp ẩn khuất trong rừng già đại ngàn thành bức tranh sơn thủy kỳ vĩ gắn kết con người với thiên nhiên, tạo nên Yên Tử với những giá trị cốt lõi: Tâm linh- văn hóa, lịch sử - Thiên nhiên và các giá trị khác. Trong những danh sơn nổi tiếng ở nước ta, Yên Tử là một di tích kết hợp hài hòa, hấp dẫn bởi hai mặt: chiều sâu lịch sử và cảnh đẹp kỳ vĩ của thiên nhiên. Đó là vẻ đẹp hoang sơ của Cõi Thiên xưa, ẩn chứa những thông tin về quá khứ, về con người và thời đại.

Với định hướng phát triển du lịch văn hóa tâm linh bền vững, thân thiện với thiên nhiên, Yên Tử đã và đang là một điểm đến hấp dẫn cho du khách trong và ngoài nước.

2. Danh sơn Yên Tử có giá trị to lớn về nhiều phương diện

2.1. Giá trị về lịch sử

Yên Tử gắn liền với diễn biến lịch sử huy hoàng của dân tộc Việt Nam trong công cuộc chiến đấu và chiến thắng lẫy lừng quân xâm lược phương Bắc, phương Tây và dựng xây đất nước. Yên Tử trở thành một trong những biểu tượng rực rỡ của tinh thần độc lập tự chủ, tự cường của dân tộc Việt Nam.

Yên Tử gắn liền với tên tuổi và sự nghiệp tu hành của Trần Nhân Tông, một vị Vua có công lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

2.2. Giá trị về văn hóa, tư tưởng

Yên Tử là nơi vua hóa Phật, nơi khai sinh Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử - Đạo Phật của Việt Nam.

Yên Tử là một quần thể di tích lịch sử văn hóa tâm linh nổi tiếng của nước ta, là một kho tàng lịch sử, truyền thuyết phong phú và hấp dẫn. Yên Tử còn lưu giữ những di tích thời Lý, Trần và các dấu ấn lịch sử, văn hóa, văn minh qua các thời đại.

Hệ thống chùa, am, tháp, điêu khắc tượng, bia ký... phong phú, đa dạng của các thời đại: Lý, Trần, Lê, Nguyễn, còn đến ngày nay ở Yên Tử, là những di sản văn hóa vô giá của dân tộc, là sản phẩm của nền văn minh Đại Việt, nổi bật là thời đại nhà Trần.

Tâm hồn, tư tưởng, cốt cách văn hóa của người Việt Nam phản ánh rõ nét trong từng di tích, di vật cổ ở đây. Yên Tử là cái nôi, là trung tâm Phật giáo của Quốc gia Đại Việt, khơi dậy sức sống tinh thần, những giá trị văn hóa tư tưởng tích cực, ưu việt của Thiền phái Trúc Lâm, gắn bó mật thiết Đạo pháp với Dân tộc, xây dựng nền đạo đức xã hội hướng thiện, nhân văn cao cả.

Sự xuất hiện, tồn tại và phát triển của giáo lý Tam Tổ Trúc Lâm Yên Tử là sự phát triển về triết học nói riêng và tư tưởng nói chung của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XIII – XIV. Những giá trị, tinh hoa của nền triết học, tư tưởng đó vẫn toả sáng qua các thời đại và sự phát triển của đất nước ta hiện nay.

2.3. Giá trị về danh thắng - du lịch

Yên Tử là khu bảo tồn thiên nhiên đa dạng sinh học, có giá trị xây dựng và phát triển loại hình du lịch sinh thái. Trên đất Quảng Ninh và một số tỉnh vùng Đông Bắc nước ta, hiếm có nơi nào còn giữ được rừng tự nhiên như Yên Tử. Nơi đây, rừng gắn với chùa, tháp. Rừng tự nhiên Yên Tử giống như một mái nhà che chở, ôm Di tích vào lòng, bảo vệ an toàn cho Di tích. Quần thể Di tích tôn giá trị của Rừng; Rừng và Di tích tạo lên sức hấp dẫn tuyệt vời cho Danh sơn Yên Tử.

Yên Tử có cảnh đẹp kỳ vĩ, huyền bí linh thiêng, có thác đổ, suối reo, có Tunnel linh khí, Thông hồ phách, Rừng trúc bạt ngàn, Mai vàng rực rỡ... với thảm thực vật phong phú, tạo nên vẻ đẹp "Sơn thủy hữu tình". Yên Tử còn là vùng đất "Địa linh", là Tổ Sơn

của vùng Đông Bắc, nơi hội tụ khí thiêng sông núi, nơi kết tập tâm linh tự bao đời, tạo nên vẻ đẹp huyền diệu, quyến rũ du khách thập phương

Yên Tử có vị thế trong tình cảm, tâm hồn người Việt Nam và sự ngưỡng mộ của du khách quốc tế, là trung tâm du lịch văn hoá tâm linh và du lịch sinh thái hấp dẫn của nước ta. Cùng với các quần thể di tích nhà Trần ở huyện Đông Triều, khu di tích lịch sử Bạch Đằng và vùng đất Hà Nam thị xã Quảng Yên, đền Cửa Ông thành phố Cẩm Phả và di tích Thương cảng Vân Đồn, huyện Vân Đồn - tỉnh Quảng Ninh; chùa Vĩnh Nghiêm, khu bảo tồn thiên nhiên tây Yên Tử huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang; Côn Sơn, Kiếp Bạc- huyện Chí Linh. Yên Tử là điểm đến của du khách thập phương trong, ngoài nước.

2.4. Giá trị về quân sự

Trên đỉnh Yên sơn cao hơn nghìn mét, có thể bao quát cả một vùng rộng lớn của miền Đông Bắc Tổ quốc, là vị trí chiến lược về quân sự trong lịch sử giữ nước của cha ông ta. Trong kháng chiến chống Pháp, Yên Tử là căn cứ địa của Đệ Tứ chiến khu. Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Yên Tử là nơi huấn luyện bao lớp thanh niên lên đường ra trận với tinh thần, ý chí “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước”, góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng Miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Yên Tử còn là nơi thu nhận và phát đi những làn sóng thông tin phục vụ cho an ninh, quốc phòng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2.5. Giá trị về kinh tế và nghiên cứu khoa học

Rừng Quốc gia Yên Tử với diện tích 2.783 ha, chứa đựng trong lòng nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá.

Quần thể Di tích Yên Tử ngự trên một vỉa than lớn, là nguồn tài nguyên quý giá thiên nhiên ban tặng. Theo khảo sát của ngành địa chất, trong lòng núi Yên Tử, dưới nền chùa, tháp hiện còn lưu giữ 254,6 triệu tấn than, chiếm gần 67% tổng trữ lượng than của toàn bộ khoáng sản than khu Yên Tử - Than Thùng.

Hệ thực vật có 830 loài, trong đó có 38 loài cây đã ghi vào sách đỏ Việt Nam là ngành dương xỉ, ngành hạt trần và ngành hạt kín. Cùng các loài cây có giá trị của di tích gắn bó với Phật Hoàng Trần Nhân Tông và các đệ tử của Ngài trong thời gian tu hành ở Yên Tử đó là: 247 cây Tùng cổ hàng trăm năm tuổi cùng với rừng trúc xanh bạt ngàn và những cây Mai vàng, những cây Đại cổ....Ngoài ra, còn có một số loài cây dược liệu quý như: Sa nhân, lá Khôi tía, Ba kích, Trầu tiên, Hoàng đằng... gắn liền với Am Dược và các loài cây cho hoa muôn sắc màu, tán lá xum xuê, tươi tốt tôn vẻ đẹp của núi rừng Yên Tử.

Hệ động vật phong phú, đa dạng: có 35 loài thú, 77 loài Chim, 34 loài Bò sát, 15 loài lưỡng thể. Có một số loài động vật quý hiếm cần được bảo vệ ở Yên Tử như: Cu li lớn, Khỉ mặt đỏ, Voọc mũi hếch, Khỉ mốc, Rái cá thường, Sơn dương, Sóc bay lớn, Ròng đất, Trăn gấm, Rắn ráo, Rắn ráo trâu, Hồ mang chúa, Hồ mang bành, Cạp nông, Rùa đầu to, Rùa vàng...

Đặc biệt với sự hấp dẫn của cõi Phật linh thiêng, hòa quyện với cảnh trí thiên nhiên kỳ vĩ, mỗi năm Yên Tử thu hút hàng triệu lượt du khách trong và ngoài nước đến tham quan và lễ Phật, tạo nguồn thu lớn cho hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch. Yên Tử góp phần giải quyết việc làm, tăng nguồn thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhiều lao động của thành phố Uông Bí và những vùng lân cận.

Bên cạnh đó, các loại hình di vật khác có niên đại qua các thời Lý Trần, Lê, Nguyễn... qua công tác khảo cổ học đã được phát hiện trên mảnh đất thiêng này như lá đề trang trí hình rồng, gạch hoa cúc, ngói mũi sen kép, tháp đất nung đã cho thấy phần nào kiến trúc chùa tháp ở đây có giá trị lịch sử, phục vụ cho công tác nghiên cứu văn hóa nước nhà.

Với điều kiện tự nhiên phong phú, đa dạng cùng với những giá trị lịch sử, văn hóa, du lịch..., Yên Tử là nơi có điều kiện thuận lợi trong nghiên cứu khoa học trên các lĩnh vực lịch sử, văn hóa tâm linh, tiềm năng du lịch, môi trường sinh thái, đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn gen... để phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Lịch sử các ngôi chùa trong khu Di tích Yên Tử

3.1. Chùa Bí Thượng (Chùa Trình)

Đây là ngôi chùa đầu tiên trong hệ thống chùa tại Yên Tử, gọi là chùa Bí Thượng hay Chùa Trình. Gọi là Chùa Bí Thượng vì chùa tọa lạc ở làng Bí Thượng, Quảng Yên xưa. Nay là khu Bí Thượng, Phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chùa còn có tên gọi là Chùa Trình vì đây là ngôi chùa có vị trí nằm ở cửa ngõ vào khu Di tích Yên Tử, với quan niệm "*Đi trình về tạ*".

Tương truyền: Hơn bảy trăm năm trước, trước khi lên núi Yên Tử, vua Trần Nhân Tông đã ghé lại nghỉ ngơi nơi đây. Sau khi Đức thượng hoàng Trần Nhân Tông về Yên Tử tu hành, sáng lập ra Thiên phái Trúc Lâm - Đạo Phật của Việt Nam, các Phật tử trong cả nước Đại Việt đổ về đây để an cư, cầu đạo. Trong quá trình phát triển của Yên Tử, việc xây dựng một ngôi chùa ở cửa ngõ Yên Sơn như chùa Bí Thượng làm trạm dừng chân cho khách.

Chùa Bí Thượng xưa được xây dựng vào thời Hậu Lê, kiến trúc kiểu chữ nhất, với quy mô nhỏ. Chùa trải qua nhiều lần trùng tu, đợt trùng tu gần nhất vào năm 2006, bằng nguồn đầu tư của Nhà nước và nguồn công đức của du khách thập phương, chùa Bí Thượng được xây dựng và mở rộng với quy mô như hiện nay.

3.2. Chùa Suối Tắm

Chùa tọa lạc ở thế đất tựa đầu Rùa. Tương truyền: Sau khi vượt đốc vào Yên Tử giữa trưa hè oi ả, Vua Trần Nhân Tông và đệ tử Bảo Sái khi ngang qua đây thấy hoa rừng muôn sắc tỏa hương, tiếng chim rừng lạnh lớt, tiếng suối róc rách trong lành, thầy trò Bảo Sái liền xuống tắm mát ở suối này. Kể từ đó suối được đặt tên: suối Vua Tắm.

Xưa kia nơi đây có một ngôi miếu nhỏ thờ Thánh Hoàng Nguyệt Nga, bà được sắc phong là Phúc Đẳng thần trấn giữ cửa rừng, đây được coi như là nơi ngăn cách giữa trần gian và Cõi Phật. Đầu thế kỷ trước, nhà tư sản Bạch Thái Bưởi được sự trợ giúp của tư bản Pháp quốc đã mở lò khai thác than ở khu vực núi này. Để tạ thần núi ông cùng vợ cho dựng một ngôi miếu to đẹp hơn. Đó là phần hậu cung và bái đường của ngôi chùa hiện nay.

Trong kháng chiến chống Pháp, chùa Cầm Thực bị hỏa hoạn nên chuông, tượng và đồ thờ ở chùa Cầm Thực được nhân dân trong vùng chuyển xuống miếu này. Miếu thờ Phật trở thành chùa và chùa mang tên Suối Tắm ý nghĩa như gột sạch bụi trần, thân tâm thanh tịnh trước khi vào cõi Phật.

Năm 2009 bằng nguồn vốn đầu tư của nhà nước và nguồn công đức của du khách thập phương, chùa được xây dựng với quy mô khang trang hơn bên cạnh chùa cũ. Chùa gồm Chính Điện và Nhà Tổ.

3.3. Chùa Cầm Thực

Tương truyền hơn 700 năm trước Vua Trần Nhân Tông cùng đệ tử Bảo Sái sau khi xuống suối tắm gột sạch bụi trần tiếp tục lộ trình vào Yên Tử. Trời đã sang trưa, Bảo Sái mở túi cơm chay mời thầy dùng bữa, chợt nhớ suất ăn của hai thầy trò đã bỏ thí cho người hành khát ở Cửa Ngăn. Vua Trần vui vẻ cùng Bảo Sái uống nước suối thay cơm rồi nghỉ trưa trên núi. Để ghi lại tích trên người xưa dựng chùa đặt tên là Cầm Thực (có nghĩa là “*không ăn*”) như thể khắc ghi đức hạnh bố thí cứu độ chúng sinh của Vua Trần Nhân Tông và đệ tử Bảo Sái.

Dấu tích ngôi chùa được dựng vào thời Trần, nền móng kiến trúc chùa hình chữ nhật gồm 6 gian, chùa có tên chữ là Linh Nhâm Tự.

Vào thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chùa Cầm Thực là một cơ sở kháng chiến, biết được nơi đây là cơ sở kháng chiến của ta, thực dân Pháp đã phóng hỏa và san bằng chùa, nền chùa chỉ còn đồng gạch vụn, bốn bề chùa là những gốc cây thông to lửa cháy nằm chỏng chơ. Chuông, tượng và đồ thờ ở chùa Cầm Thực được nhân dân trong vùng chuyển xuống miếu thờ cạnh suối Vua Tắm. Quanh chùa chỉ còn vài ba cây tháp đổ và một ngôi tháp xây vào thời Nguyễn còn khá nguyên vẹn.

Ngôi chùa hiện nay được trùng tu xây dựng vào năm 2004, có kiến trúc nền móng hình chữ Đinh. Chùa tọa lạc trên một đỉnh núi tròn như “mâm xôi” đứng riêng rẽ tách bạch giữa một vùng đồi núi gối nhau như dải sóng. Mùa hè rất mát, có người ví nơi đây không khác chốn bồng lai tiên cảnh.

3.4. Chùa Lân - Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử

Gọi là Chùa Lân vì chùa tọa lạc trên một quả núi giống hình con Kỳ Lân nằm phủ phục, nên chùa được đặt tên theo dáng núi. Chùa có tên chữ là Long Động Tự (chùa Động Rồng).

Chuyện kể rằng: Trên đường vào Yên Tử, Vua Trần cùng đệ tử Bảo Sái đã nghỉ đêm tại đây. Đêm ấy, vua mộng thấy được cưỡi trên lưng Rồng vàng bay vào trong động đẹp, có hồ nước lung linh đầy hoa sen nở, tỏa ngát hương thơm. Khi tỉnh giấc, Vua kể lại câu chuyện về giấc mộng đó cho Bảo Sái nghe và đặt tên Chùa Lân (Long Động tự).

Chùa xưa được xây dựng vào thời Trần, hiện còn lại dấu tích nền móng ngôi chùa cũ ở phía trước Đại Hùng Bảo Điện. Chùa có quy mô rộng lớn, nguy nga tráng lệ và là một trong hai trung tâm của Yên Tử là Long Động và Vân Yên. Là nơi tu hành hoằng pháp của Tam Tổ Trúc Lâm trước khi rời vào trung tâm Vân Yên. Dân gian có câu “*Ngõ chùa Lân, Sân chùa Muống, ruộng chùa Quỳnh*”. Đó là ba cái lớn nhất vào thời phái Thiên Trúc Lâm hưng thịnh.

Thời chống pháp chùa là căn cứ kháng chiến, bị giặc phá hủy, nhân dân địa phương dựng lại trên nền chùa cũ với quy mô nhỏ.

Trải qua nhiều lần trùng tu, đến năm 2002, Hoà Thượng Thích Thanh Từ cùng phật tử thập phương công đức xây dựng Chùa Lân thành Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử có diện tích 23,7ha với 3 chức năng chính: Là nơi hướng dẫn tu thiền cho quý tăng, ni, phật tử theo Thiên phái Trúc Lâm; Nghiên cứu, bảo tồn các thư tịch, ấn phẩm văn hóa về Yên Tử và Thiên phái Trúc Lâm và tham quan du lịch, hành hương lễ Phật của du khách thập phương.

Chùa Lân - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử là nơi duy nhất của Yên Tử các vị sư tu hành thuộc dòng thiền Trúc Lâm của Hòa Thượng Thích Thanh Từ. Nơi đây không đốt vàng mã, tiền vàng, không để hòm công đức và không có phiếu ghi nhận công đức, phật tử và du khách cúng dường bao nhiêu tùy tâm, điều đặc biệt hàng năm Thiền Viện đón hàng chục nghìn người đến đây để tu thiền.

3.5. Suối Giải Oan

Thời Trần suối tên là Hồ Khê (nghĩa Khe Hồ) được nhắc trong thơ Huyền Quang - đệ tam Tổ Trúc Lâm Yên Tử:

Truyền thuyết kể rằng: Mùa thu năm 1299, Thượng hoàng Trần Nhân Tông về Yên Tử tu hành, có các cung tần mỹ nữ theo can ngăn, xin Đức Vua trở lại triều đình, nhưng Vua Trần đã quyết chí tu hành và khuyên trở về hoặc ra ở tại làng Nương, làng Mụ. Vì không can ngăn được nhà Vua nên các cung tần, mỹ nữ nguyện tỏ lòng trung liền trẫm mình xuống dòng Hồ Khê. Nhà Vua vô cùng tiếc thương cho lập đàn tràng Giải Oan linh hồn các cung nữ. Nơi lập đàn tràng, sau này dựng chùa Giải Oan, dòng suối Hồ Khê cũng được đổi tên thành Giải Oan từ đó.

Theo lộ trình hành hương vào Yên Tử, suối Giải Oan được coi là nơi gột rửa bụi trần cho thân tâm, thanh tịnh trước khi vào Cõi Phật.

Cây cầu đá xây dựng 2001, trang trí kiến trúc hoa văn sóng nước mang đậm phong cách nghệ thuật thời Trần đã giúp cho du khách đi lại qua con suối mùa mưa được dễ

dàng. Năm 2008, cầu gỗ thân trụ đá, trên có thủy đình kiến trúc theo lối cổ được xây dựng nhằm giảm tải lượng người qua cầu đá và là nơi biểu diễn nghệ thuật, tái hiện lại sự tích giải oan trong mùa lễ hội.

3.6. Chùa Giải Oan

Ngôi chùa tọa lạc tựa lưng vào núi Ngọc - một ngọn núi thuộc Tổ sơn Yên Tử, phía trước chùa là dòng suối Giải Oan. Tương truyền: Là nơi Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông lập đàn siêu độ oan hồn các thị hầu, cung phi trầm mình dưới suối Hồ Khê. Theo Phật giáo, Giải Oan là cởi bỏ các mối kết buộc oan trái để thoát khỏi sinh tử luân hồi.

Chùa xưa dựng vào thời Trần trên nền đàn tràng giải kết những oan hồn các cung nữ. Trải qua nhiều lần trùng tu dấu tích còn lại trên mặt đất là ngôi chùa thời Nguyễn.

Chùa Giải Oan vốn linh thiêng có tiếng; ngày xưa, danh sỹ Ngô Thời Nhiệm về chùa Giải Oan thấy bóng Vua Trần thường hiển hiện ở cây sung trước cửa chùa.

Các công trình kiến trúc trong khuôn viên chùa hiện nay: Năm 1994, khuôn viên chùa được tu bổ. Ni trưởng Chân Đức - cùng phật tử trong và ngoài nước công đức xây dựng Chính điện trên nền Nhà Tổ xưa. Năm 2003, Điện Mẫu được tôn tạo trên nền chùa cũ, nơi duy nhất ở Yên Tử thờ thân mẫu vua Trần Nhân Tông là Nguyên Thánh Thiên Cảm hoàng thái hậu, em gái Trần Hưng Đạo. Năm 2010, nhà thờ Tổ được xây dựng.

Trước chùa còn lưu giữ được vườn cây ăn quả người xưa trồng cách đây vài trăm năm như mít, xoài... Việc người xưa trồng vườn cây ăn quả trước là để dâng quả cúng Phật, tạo cảnh sắc thiên nhiên hòa hợp, làm cho ngôi chùa trở lên gần gũi, thân thiện.

Trong các chùa tháp ở Yên Sơn, chưa chùa nào có số lượng tượng Mẫu thờ nhiều bằng chùa Giải Oan. Phải chăng các cung tần mỹ nữ xưa kia sau khi trầm mình dưới dòng suối Hồ Khê, linh hồn của họ siêu thoát về thiên cung, thoải phũ hiện thân thành Mẫu tôn thờ ở chôn Giải Oan này.

3.7. Vườn Tháp Huệ Quang

Vườn tháp Huệ Quang là nơi lưu giữ ngọc cốt của các thiền sư đạo cao đức trọng đã từng tu hành tại Yên Tử qua các thời: Trần, Lê, Nguyễn. Vườn tháp hiện nay còn lưu giữ gần 100 ngôi tháp mộ. Mỗi tháp mộ có kích thước, độ cao tháp khác nhau, điều đó thể hiện vị trí, chức sắc của các vị thiền sư trong giới phẩm Phật giáo như tháp: Diệu Đăng, Trường Quang, Hoa Quang, Chân Thường, Tháp Tôn Đức ...

Nằm ở vị trí trung tâm là Lăng Quy Đức phía trong có Huệ Quang Kim Tháp (Tháp Tổ) nơi lưu giữ xá lợi của Phật Hoàng Trần Nhân Tông.

Tháp Huệ Quang cao 7m, đế tháp có dạng hình lục lăng. Mặt ngoài các tầng đá chạm trổ hoa văn sóng nước mang đặc trưng phong cách nghệ thuật thời Trần. Tầng 1 của tháp là bệ tòa sen tạo bởi 102 cánh mở rộng ôm lấy thân. Cửa quay hướng Nam, bên trong thờ tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông ngồi thiền dáng khoan thai, an nhiên tự tại

được tạc bằng đá cẩm thạch vào thời Lê Sơ. Trước tháp Tổ là cây hương bằng đá do các phật tử ở Kinh Môn - phủ Nam Sách thời Lê cúng tiến.

Tháp được bảo vệ bởi tường Lãng Quy Đức, toàn bộ vật liệu trên đều có niên đại vào thời Trần (thế kỷ 13-14).

Sau lăng là đường gạch hoa cúc. Đường gạch hoa cúc hiện nay được lát bằng gạch phục chế theo nguyên mẫu gạch hoa cúc thời Trần. Hai bên là hai hàng tháp mộ thờ các nhà sư tu hành tại Yên Tử qua các thời kỳ lịch sử. Ở hai bên đường gạch hoa cúc là hai Mất Rông tụ thủy lưu khí thiêng.

3.8. Chùa Hoa Yên

Ở độ cao 534m so với mực nước biển, đây là chùa Hoa Yên ngôi chùa trung tâm của hệ thống chùa, tháp, khu di tích Yên Tử.

Vân Yên là tên gọi của chùa thuở xưa, dân gian còn gọi là Chùa Cả, Chùa Chính, chùa Yên Tử; chùa từng có gác chuông, lầu trống, nhà tăng, pháp đường, viện Phù Đồ..., là nơi tu hành, thành đạo, truyền thừa của các Tổ Thiền Trúc Lâm Yên Tử:

- Thời Lý có Thiền sư Hiện Quang khai sơn chùa Vân Yên trước năm 1220.

- Thời Trần có Quốc sư Đạo Viên, Đại Đăng, Thiền sư Tiêu Diêu, Huệ Tuệ. Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông cùng Pháp Loa, Huyền Quang kế thừa và phát triển dòng Thiền Yên Tử lập nên Thiền Phái Trúc Lâm với tinh thần nhập thế và hộ quốc an dân.

- Thời Lê có Thiền sư Chân Trú, Chân Nguyên - người có công chấn hưng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, Vua Lê Thánh Tông (1442-1497) đổi tên chùa thành Hoa Yên.

- Chùa đã trải qua nhiều lần trùng tu. Năm 2002, bằng nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và công đức của thập phương, chùa Hoa Yên được xây dựng lại trên nền chùa thời Trần, có kiến trúc kiểu "Nội công, ngoại quốc". Có Tiền đường, Tam Bảo thờ Phật, Nhà Tổ, hai bên là lầu chuông, lầu khánh. Trong nền chùa hiện nay còn lưu giữ nền móng chùa thời Trần được khảo cổ, phát lộ năm 2001.

3.9. Chùa Một Mái

Tương truyền đây là nơi Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông đọc sách, soạn kinh. Thời Lê chùa có tên Động Thanh Long, am Ly Trần (thoát cõi trần), chùa Bồ Đà. Dân gian gọi chùa Bán Thiên, Bán Mái (Một Mái). Chùa đã trải qua nhiều lần trùng tu, gần nhất tháng 10/2014.

Hệ thống tượng, đồ thờ hoàn toàn bằng đá trắng có niên đại cuối thời Lê, đầu thời Nguyễn. Trước chùa là Tháp Thanh Long, ngôi tháp được xây dựng vào thời Lê, tháp thờ thiền sư Nguyên Hội, đã trụ trì và đắc đạo tại ngôi chùa này.

Tương truyền Chùa có nhiều rắn xanh (thanh long) thường xuất hiện lúc trở trời, chưa từng cắn ai. Hai bên chùa là 2 dòng nước mạch nguồn của Yên Tử đổ về suối Giải Oan.

Vào giữa xuân, Mai vàng nở rộ trên vách đá trước chùa, hoa Mai vàng biểu trưng vẻ đẹp và cốt cách thanh cao.

3.10. Chùa Bảo Sái

Chùa mang tên một thiền sư từng tu hành ở đây đó là Bảo Sái (Bảo Sái có nghĩa là *cõi đất thanh tịnh*, hoặc *thất bảo nhà Phật*). Ông là đệ tử đầu tiên, thân tín của Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông. Bảo Sái là người duy nhất được Ngài cho gọi về, ở bên và được nghe lời dạy cuối cùng của Ngài về triết lý căn bản của nhà Phật trước khi viên tịch. Bảo Sái có công trong việc coi sóc ấn hành Đại Tạng Kinh triều Trần.

Chùa ở độ cao 724m so với mặt biển, thời Trần nơi đây chỉ là am trong động. Đến thời Nguyễn chùa bị một tảng đá lớn trên vách núi rơi xuống làm bạt mái chùa, chỉ còn lại ban thờ và một bức tường hồi phía Đông. Năm 2012, chùa mới được trùng tu khang trang như ngày nay.

3.11. Chùa Vân Tiêu

Chùa nằm ở độ cao 724m so với mặt nước biển. Sử cũ chép: Trước khi mất 4 tháng (7/1308), Trần Nhân Tông giảng *Truyền Đăng Lục* cho Pháp Loa trên am Tử Tiêu, núi Yên Tử. Nhiều người tin rằng Tử Tiêu là Vân Tiêu ngày nay.

Một bia đá có ghi chùa Vân Tiêu trùng tu vào thời Lê do chúa Trịnh là chủ hưng công. Trải qua nhiều lần trùng tu đến năm 2001 bằng nguồn công đức của Phật tử trong, ngoài nước Chùa mới được trùng tu như hiện nay. Vân Tiêu - ‘Tiêu’ - còn có nghĩa là ‘cốc’. Cốc là am. Vân Tiêu có nghĩa là *Am mây*

Qua công tác khảo cổ, bên trái chùa còn lưu dấu tích lò gốm cổ. Nổi bật nhất ở chùa Vân Tiêu là Vườn tháp vọng tiên cung (nghĩa là nhìn tới cung tiên). Đây là một công trình văn hóa tâm linh ảnh hưởng của đạo giáo của Lão Tử, thể hiện Đạo - Lão - Nho sự dung hợp trong Thiên phái Trúc Lâm.

Vườn tháp nằm trên thế đất đẹp giữa lưng trời có 5 tháp thờ các Thiền sư thời Lê tu ở chùa Vân Tiêu, trong đó có tháp của Hòa thượng Đại Giác Tuệ, quê xã Hà Hoàng, Thạch Hà, Hà Tĩnh, trước tu ở chùa Long Động (chùa Lân).

Tháp thứ 6 là Vọng Tiên Cung cao 9 tầng ở giữa dựng năm 1936 do cụ Vũ Vi Thiện và con trai Vũ Xuân Hảo công đức. Bia khắc: “*để phụng thờ quy y chính đạo... Lý trưởng cùng toàn dân xã Nam Mậu lập bia*”.

3.12. Tượng An Kỳ Sinh

Tượng An Kỳ Sinh ở độ cao hơn 900m so với mực nước biển. Tương truyền vào thế kỷ thứ III trước Công nguyên, có một đạo sỹ người phương Bắc tên là An Kỳ Sinh đến đây tu tiên, thấy rừng núi Yên Tử có nhiều cây thuốc quý; ông hái lượm cây thuốc, luyện thần dược và chữa bệnh cứu người. Người xưa tôn kính gọi ông là An Tử (Thầy An) và gọi nơi đây là An Tử Sơn (núi Thầy An), sau đổi thành Yên Tử. Tượng đá thiên

tạo này là hình tượng An Kỳ Sinh - biểu tượng sự tôn trọng, gìn giữ văn hóa nhớ ơn những ai có công cứu người của dân tộc Việt Nam.

3.13. Tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông

Nằm ở độ cao 912m so với mực nước biển. Công trình được xây dựng từ năm 2009 đến năm 2013. Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông được đúc theo mẫu tượng thờ trong Huệ Quang Kim Tháp, chất liệu bằng đồng, có trọng lượng 138 tấn đồng, cao 12,6m (thân tượng cao 9,9m; bệ tượng cao 2,7m) với phương pháp đúc bằng kỹ thuật đổ liền khối, đúc nổi trực tiếp. Tượng được khánh thành vào ngày 03/12/2013 nhân Đại lễ tưởng niệm 705 năm ngày Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông nhập niết bàn.

Đây là công trình văn hóa tâm linh độc đáo đã được tổ chức kỷ lục Châu Á công nhận là tượng đồng đúc liền khối lớn nhất Châu Á.

3.14. Chùa Đồng

Có tên chữ là Thiên Trúc tự (chùa Cõi Phật), ở đỉnh cao nhất dãy Yên Tử (1.068m).

Chùa Đồng là điểm dừng chân cuối cùng trong hành trình thượng sơn lễ Phật. “Đồng” ở đây không hẳn nói về chất liệu mà còn có ý nghĩa về Thiên – Địa – Nhân hòa. Con người như hòa mình vào với thiên nhiên, đất trời.

Ngôi chùa thời Lê quy mô nhỏ như một Thiên Am do bà phi phủ chúa Trịnh cung tiến. Năm 1740, gió bão làm chùa bị hư hại, chỉ còn tượng Phật và rường cột.

Bia đá năm 1931 ghi “*thủ tự chùa Long Hoa là Bùi Thị Mỹ tái tạo thiên am*”. Chùa được làm bằng xi-măng cốt đồng.

Năm 1993, Ni trưởng Đàm Lựu và phật tử ở Mỹ công đúc dựng một ngôi chùa nhỏ bằng đồng bên chùa cũ.

Năm 2006 hai ngôi chùa trên được hạ giải. Ngày 12/12 năm Bính Tuất (30/01/2007), bằng nguồn công đức của Phật tử trong, ngoài nước, chùa mới bằng đồng thay thế và tọa lạc trên nền hai chùa trên có chiều dài 4,6m, rộng 3,6m, cao 3,5m, nặng 70 tấn. Chùa như một đài sen thờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Tam tổ Trúc Lâm.

Hai bên chùa có giá chuông, giá khánh. Theo niềm tin cho rằng tiếng vang của chuông có thể thấu đến cõi địa ngục u ám, chúng sanh nào bị đọa nơi địa ngục nhờ nghe tiếng chuông này liền được giải thoát. Khánh sử dụng lúc đọc kinh, điều hòa tiết tấu âm điệu, hoặc đánh lên mỗi khi phật tử vào chùa lễ Phật, khánh còn mang nghĩa nhằm cảnh tỉnh đại chúng trở về thực tại sâu xa.

Người ta tin rằng chùa Đồng là nơi giao hoà giữa trời, đất và con người nên rất linh thiêng. Vì vậy dân gian từng có câu:

“Tu tây, tu đông; Chưa đến chùa Đồng chưa đành lòng tu”

KẾT LUẬN

Trần Nhân Tông là vị vua văn võ song toàn. Ông không chỉ là một nhà quân sự tài ba lãnh đạo nhân dân Đại Việt hai lần đánh thắng đội quân xâm lược hung hãn nhất thời đại của mình mà còn là nhà ngoại giao mềm mỏng nhưng cương quyết. Trong con người Trần Nhân Tông còn có một triết gia, một nhà thơ mà ngòi bút của ông có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa cảm quan triết học và cảm quan thế sự, chất chứa tinh thần lạc quan, yêu đời, tấm lòng vị tha của một nhân cách lớn cùng sự rung động tinh tế, lòng yêu tự do của một nghệ sĩ. Ông là một trong những anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa tiêu biểu trong lịch sử dựng nước và giữ nước hàng nghìn năm của dân tộc.

Đức vua Trần Nhân Tông sau khi đã làm tròn trách nhiệm của một vị vua yêu nước, thương dân, khi người kế vị (Trần Anh Tông) trưởng thành, ông đã trao lại vương quyền cho con, lên làm Thái Thượng Hoàng, rồi tìm đến non thiêng Yên Tử tu thiền và trở thành Đệ nhất Tổ của phái Trúc Lâm. Khi đắc đạo, ông xuống núi đi khắp xóm làng, dạy dân chúng thực hành thập thiện, ban thuốc chữa bệnh cho người nghèo, hướng mọi người đến một cuộc sống đoàn kết, yêu thương; đề cao tính độc lập tự chủ, tự hào dân tộc.

Trong hành trình tu hành khổ hạnh, đắc đạo, độ tăng giáo hóa chúng sinh rồi an nhiên hóa Phật của Đức vua Trần Nhân Tông, Yên Tử là nơi Phật hoàng chọn làm nơi tu hành và sáng lập Thiền phái Trúc Lâm. Nói cách khác, Yên Tử là nơi phát tích của Thiền phái Trúc Lâm và là trung tâm Phật giáo của Quốc gia Đại Việt. Sự kiện xuất gia của nhà vua cũng như những năm hành đạo trong dân gian của ông đã khiến cho Giáo hội Phật giáo Trúc Lâm trở thành một lực lượng tôn giáo hùng mạnh nhất để liên kết nhân dân, ổn định triều chính.

Với vai trò là trung tâm Phật giáo của Việt Nam, Yên Tử gắn liền với sự thăng trầm của lịch sử Phật giáo Việt Nam. Sau khi Phật Hoàng viên tịch, Yên Tử đã được xây dựng, mở rộng thành một quần thể chùa tháp với nhiều cụm chùa tháp khác nhau. Cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII sau thời gian suy vong, Phật giáo được chấn hưng, nhờ đó Yên Tử được trùng tu xây dựng, mở rộng thành một quần thể rộng lớn với nhiều công trình chùa, am, tháp được xây dựng mới còn lưu giữ cho đến ngày nay. Với những giá trị to lớn của di tích và cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp ở nơi đây. Việc trùng tu, tôn tạo Yên Tử không chỉ là việc bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử văn hóa của di tích mà đó thực sự là nơi giáo dục cho thế hệ trẻ và đông đảo du khách thập phương về tư tưởng của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và tầm vóc của Phật Hoàng Trần Nhân Tông, vị anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa tiêu biểu trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước, giữ nước và mở nước của dân tộc, đồng thời cũng truyền bá tinh thần vui đạo giữa đời của Ngài.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Uông Bí đất và người (2015), Nxb chính trị quốc gia - Sự thật
2. *Cổ tích danh lam*, Tư liệu Viện nghiên cứu Hán nôm.
3. *Đại việt sử ký toàn thư* (2006), Nxb Văn hóa - Thông tin.
4. *Danh sơn Yên Tử - Thiên phái Trúc Lâm* (2012), Nxb giáo dục Việt Nam.
5. *Chùa Yên Tử*, Trần Trương, Nxb Văn hóa - Thông tin.
6. *Danh nhân Yên Tử*, Trần Trương, Nxb Văn hóa - Thông tin.
7. Tài liệu dịch văn bia Yên Tử của Viện Hán Nôm (1993).
8. *Tam Tổ thực lục* (bản dịch của Thích Phước Sơn) (1995), Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam.
9. *Am Ngọa Vân*, Nguyễn Văn Anh (2015), Nxb khoa học và xã hội.
10. *Trần Nhân Tông với Thiên phái Trúc Lâm*, Thượng tọa Thích Thông Phương (2010), Nxb Văn học.
11. Kỷ yếu hội thảo (2013), "*Phật giáo Trúc Lâm Yên Tử và công tác quy hoạch, bảo tồn phát huy những giá trị của khu Di tích Yên Tử hiện nay*".
12. Nguyễn Thanh Sỹ (1993), *Yên Tử và Thiên phái Trúc lâm*, Sở văn hóa Thông tin Quảng Ninh.
13. Nội dung thuyết minh tại các điểm khu Di tích và Rừng quốc gia Yên Tử (đã được Ban Tuyên giáo Thành ủy phê duyệt tại công văn số 168-CV/TG ngày 15/12/2014)